

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐÔNG HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **46/2024/DS-ST**

Ngày: 06/9/2024

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nhật Trường;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thư và ông Nguyễn Bá Tòng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa tham gia phiên tòa: Bà Doãn Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Vào ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 74/2024/TLST-DS ngày 17/4/2024 về việc *“Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2024/QĐXXST-DS ngày 30/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2024/QĐST-DS ngày 19/8/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V

Địa chỉ: Số H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Đình H**, sinh năm 1991; địa chỉ: H M, phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Có mặt.

- Bị đơn: Ông **Đình Thanh H1**, sinh năm 1975 và bà **Ngô Thị Hồng T**, sinh năm 1982; Địa chỉ: khu phố Đ, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Huỳnh Tấn B**, sinh năm 1962 và bà **Ngô Thị T1**, sinh năm 1957; địa chỉ: Khu phố Đ, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

1. Ngày 08/6/2021, Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh P với vợ chồng ông Đình Thanh H1 và bà Ngô Thị Hồng T ký kết hợp đồng cho vay hạn mức, số tiền 1.500.000.000đ (một tỷ năm trăm triệu đồng) theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2106033828754 ngày 08/6/2021; thời hạn duy trì hạn mức 24 tháng; mục đích

sử dụng vốn vay: bổ sung vốn buôn chuyển hải sản; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn kể từ thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Vào các ngày 03/11/2021 và 06/4/2022, Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh P với ông Đinh Thanh H1 và bà Ngô Thị Hồng T cùng ký kết Phụ lục hợp đồng số 01/PLHD ký ngày 03/11/2021 và Phụ lục hợp đồng số 02/PLHD ký ngày 06/04/2022 (Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2106033828754 ký ngày 08/06/2021), nâng hạn mức tín dụng cho vay: 3.270.000.000 đồng (Ba tỷ hai trăm bảy mươi triệu đồng); thời hạn duy trì hạn mức 24 tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn kể từ thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Ngày 07/04/2022, Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh P có giải ngân cho ông Đinh Thanh H1 và bà Ngô Thị Hồng T với số tiền vay 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng) theo Khế ước nhận nợ ký ngày 06/04/2022, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất thời điểm giải ngân 8.5%/năm, cố định 03 tháng đầu tiên. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ông H1, bà T còn nợ nguyên đơn số tiền tổng cộng là 367.146.000đ, trong đó nợ gốc là 270.000.000đ, nợ lãi trong hạn là 13.068.000đ, nợ lãi quá hạn là 84.078.000đ.

Ngày 08/06/2022, Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh P có giải ngân cho ông Đinh Thanh H1 và bà Ngô Thị Hồng T với số tiền vay 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng) theo Khế ước nhận nợ ký ngày 08/06/2022, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất thời điểm giải ngân 8.5%/năm, cố định 03 tháng đầu tiên. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ông H1, bà T còn nợ nguyên đơn số tiền tổng cộng là 2.020.496.852đ, trong đó nợ gốc là 1.499.997.465đ, nợ lãi trong hạn là 109.200.000đ, nợ lãi quá hạn là 411.299.387đ.

Ngày 10/11/2022, Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh P có giải ngân cho ông Đinh Thanh H1 và bà Ngô Thị Hồng T với số tiền vay 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) theo Khế ước nhận nợ ký ngày 10/11/2022, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất thời điểm giải ngân 11.5%/năm, cố định 03 tháng đầu tiên. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ông H1, bà T còn nợ nguyên đơn số tiền tổng cộng là 1.315.200.000đ, trong đó nợ gốc là 1.000.000.000đ, nợ lãi trong hạn là 134.000.000đ, nợ lãi quá hạn là 181.200.000đ.

Ngày 11/11/2022, Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh P có giải ngân cho ông Đinh Thanh H1 và bà Ngô Thị Hồng T với số tiền vay 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) theo Khế ước nhận nợ ký ngày 11/11/2022, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất thời điểm giải ngân 11.5%/năm, cố định 03 tháng đầu tiên. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ông H1, bà T còn nợ nguyên đơn số tiền tổng cộng là 657.100.000đ, trong đó nợ gốc là 500.000.000đ, nợ lãi trong hạn là 67.400.000đ, nợ lãi quá hạn là 89.700.000đ.

Tài sản thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay trên là:

- Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 362822, sổ vào sổ cấp GCN: CH02021 do UBND huyện Đ, tỉnh Phú Yên cấp ngày 15/10/2015 cấp cho chủ sử dụng đất ông Đinh Thanh H1 và bà Ngô Thị Hồng T theo hợp đồng thế chấp ngày

08/6/2021 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 06/4/2022 đã ký kết.

- Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 283757, số vào sổ cấp GCN: CH 00005 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Yên cấp ngày 14/01/2011, cấp cho chủ sử dụng đất ông Huỳnh Tấn B và bà Ngô Thị T1, theo hợp đồng thế chấp số 04445 ngày 03/11/2021 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 06/4/2022 đã ký kết.

2. Ngày 11/6/2021, Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh P có cho bà Ngô Thị Hồng T vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ ký ngày 11/06/2021, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay: phục vụ nhu cầu đời sống. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T đã trả góp được một phần tiền gốc và lãi phát sinh. Nhưng sau đó bà T không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên Ngân hàng đã chốt tiền gốc còn nợ lại là 115.121.430đ và chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, bà T còn nợ nguyên đơn số tiền tổng cộng là 171.746.643đ, trong đó nợ gốc là 115.121.430đ, nợ lãi trong hạn là 8.010.813đ, nợ lãi quá hạn là 48.614.400đ.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đinh Thanh H1 và bà Ngô Thị Hồng T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo các hợp đồng tín dụng đã ký. Ngân hàng đã nhiều lần mời khách hàng làm việc, tạo điều kiện về thời gian và đề nghị thanh toán nợ vay nhưng ông Đinh Thanh H1 và bà Ngô Thị Hồng T vẫn không trả nợ vay cho Ngân hàng.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Đinh Thanh H2 và bà Ngô Thị Hồng T phải trả ngay một lần cho nguyên đơn toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng, các khế ước nhận nợ đã ký kết.

Trường hợp ông H2, bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2106033828754 ký ngày 08/06/2021, Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ký ngày 03/11/2021 và Phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐ ký ngày 06/04/2022 sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2106033828754 ký ngày 08/06/2021 đã ký kết thì Nguyên đơn được quyền yêu cầu thi hành án để xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp ngày 08/6/2021 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 06/4/2022 và hợp đồng thế chấp số 04445 ngày 03/11/2021 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 06/4/2022 đã ký kết để thu hồi nợ.

- Buộc bà Ngô Thị Hồng T phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi phát sinh theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ ký ngày 11/06/2021 đã ký kết.

Ngoài ra, ông Đinh Thanh H1 và bà Ngô Thị Hồng T còn phải tiếp tục chịu lãi suất theo thỏa thuận của các hợp đồng tín dụng, Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ đã ký kết cho đến khi trả hết nợ vay cho Ngân hàng.

- Bị đơn ông Đinh Thanh H1, bà Ngô Thị Hồng T vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Tấn B, bà Ngô Thị T1 vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Đinh Thanh H1, bà Ngô Thị Hồng T phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP V số tiền gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng cho vay hạn mức số LN2106033828754 ký ngày 08/06/2021, Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ký ngày 03/11/2021 và Phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐ ký ngày 06/04/2022 tổng cộng là: 4.359.942.852đ, trong đó nợ gốc là 3.269.997.465đ, nợ lãi trong hạn là: 323.668.000đ, nợ lãi quá hạn là 766.277.387đ. Trường hợp bị đơn ông H1, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 362822, số vào sổ cấp GCN: CH02021 do UBND huyện Đ, tỉnh Phú Yên cấp ngày 15/10/2015 cấp cho chủ sử dụng đất ông Đinh Thanh H1 và bà Ngô Thị Hồng T theo hợp đồng thế chấp ngày 08/6/2021 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 06/4/2022 đã ký kết và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 283757, số vào sổ cấp GCN: CH 00005 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Yên cấp ngày 14/01/2011, cấp cho chủ sử dụng đất ông Huỳnh Tấn B và bà Ngô Thị T1, theo hợp đồng thế chấp số 04445 ngày 03/11/2021 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 06/4/2022 đã ký kết để thu hồi nợ.

Buộc bà Ngô Thị Hồng T phải trả cho nguyên đơn số tiền tổng cộng là 171.746.43đ, trong đó nợ gốc 115.121.430đ, nợ lãi trong hạn là 8.010.815đ, nợ lãi quá hạn là 48.614.400đ và lãi phát sinh theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ ký ngày 11/06/2021 đã ký kết.

Bị đơn ông H1, bà T phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng đã ký kết cho đến khi trả hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”, bị đơn có địa chỉ thường trú tại Khu phố Đ, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, do đó căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 BLTTDS 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Đinh Thanh H1, bà Ngô Thị Hồng T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Tấn B, bà Ngô Thị T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, do đó căn cứ Điều 227, 228 BLTTDS 2015, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông H1, bà T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông B, bà T1.

[3] Đối với hợp đồng vay hạn mức và hợp đồng thế chấp

3.1. Ngày 08/6/2021, giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết hợp đồng cho vay hạn mức số LN2106033828754 để vay số tiền 1.500.000.000đ, thời hạn duy trì hạn mức 24 tháng, sau đó vào các ngày 03/11/2021, 06/4/2022 các bên đã ký bổ sung các Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ và 02/PLHĐ để nâng hạn mức cho vay lên 3.270.000.000đ và thời hạn trả nợ căn cứ vào các khế ước nhận nợ đã ký kết. Bị đơn ông H1, bà T đã ký các khế ước nhận nợ vào các ngày 06/4/2022, 08/6/2022, 10/11/2022 và 11/11/2022, đã nhận số tiền nguyên đơn đã giải ngân tổng cộng là 3.270.000.000đ. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo các khế ước nhận nợ đã ký kết. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 06/9/2024), bị đơn ông H1, bà T còn nợ nguyên đơn số tiền 4.359.942.852đ, trong đó nợ gốc 3.269.997.465đ và nợ lãi trong hạn là: 323.668.000 đồng và nợ lãi quá hạn là: 766.277.387đ, theo các khế ước nhận nợ cụ thể như sau:

Theo khế ước nhận nợ ngày 06/4/2022, ông H1 và bà T còn nợ số tiền tổng cộng là: 367.146.000đ, trong đó nợ gốc là 270.000.000đ, nợ lãi trong hạn là 13.068.000đ, nợ lãi quá hạn là 84.078.000đ. Thời hạn trả nợ: ngày 07/4/2023.

Theo khế ước nhận nợ ngày 08/4/2022, ông H1 và bà T còn nợ số tiền tổng cộng là: 2.020.496.852đ, trong đó nợ gốc là 1.499.997.465đ, nợ lãi trong hạn là 109.200.000đ, nợ lãi quá hạn là 411.299.387đ. Thời hạn trả nợ: ngày 08/6/2023.

Theo khế ước nhận nợ ngày 10/11/2022, ông H1 và bà T còn nợ số tiền tổng cộng là: 1.315.200.000đ, trong đó nợ gốc là 1.000.000.000đ, lãi trong hạn là 134.000.000đ, lãi quá hạn là 181.200.000đ. Thời hạn trả nợ: ngày 10/11/2023.

Theo khế ước nhận nợ ngày 11/11/2022, ông H1 và bà T còn nợ số tiền tổng cộng là: 657.100.000đ, trong đó nợ gốc là 500.000.000đ, nợ lãi trong hạn là 67.400.000đ, nợ lãi quá hạn là 89.700.000đ. Thời hạn trả nợ: ngày 11/11/2023.

3.2. Về lãi suất: Theo khoản 9 Điều 2 Hợp đồng cho vay hạn mức ngày 08/6/2021, theo khế ước nhận nợ ngày 06/4/2022 và 08/6/2022 thì lãi suất trong hạn là 8,5%/năm, theo khế ước nhận nợ ngày 10/11/2022 thì lãi suất trong hạn là 11,5%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn và lãi suất chậm

trả là phù hợp với quy định tại Điều 357, 466, 468 BLDS, Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng, Điều 8 Nghị quyết 01/2019 ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên các thỏa thuận về lãi suất là hợp pháp.

3.3. Tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay trên là:

- Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 362822, sổ vào sổ cấp GCN: CH02021 do UBND huyện Đ, tỉnh Phú Yên cấp ngày 15/10/2015 cấp cho chủ sử dụng đất ông Đinh Thanh H1 và bà Ngô Thị Hồng T theo hợp đồng thế chấp ngày 08/6/2021 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 06/4/2022 đã ký kết.

- Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 283757, sổ vào sổ cấp GCN: CH 00005 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Yên cấp ngày 14/01/2011, cấp cho chủ sử dụng đất ông Huỳnh Tấn B và bà Ngô Thị T1, theo hợp đồng thế chấp số 04445 ngày 03/11/2021 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 06/4/2022 đã ký kết.

Xét thấy, Theo thỏa thuận tại Điều 3 và điểm e khoản 2 Điều 7 của Hợp đồng thế chấp ngày 08/6/2021 và ngày 03/11/2021 đã ký kết thể hiện tài sản thế chấp được đảm bảo cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ và các tài sản, công trình vật kiến trúc gắn liền với đất đều thuộc tài sản thế chấp; các hợp đồng thế chấp và phụ lục hợp đồng thế chấp nêu trên được các bên ký kết hoàn toàn tự nguyện, về hình thức, nội dung, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, các hợp đồng thế chấp và phụ lục hợp đồng thế chấp được công chứng, chứng thực theo đúng quy định. Các hợp đồng thế chấp trên có đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật vì vậy các hợp đồng thế chấp, phụ lục hợp đồng thế chấp nêu trên có hiệu lực thực hiện kể từ ngày ký kết, các bên có trách nhiệm, nghĩa vụ thực hiện các điều khoản của hợp đồng này.

3.4. Hội đồng xét xử thấy rằng, đã quá thời hạn trả nợ nhưng bị đơn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng cho vay, các phụ lục hợp đồng và các Khế ước nhận nợ đã ký kết với ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại khoản 8 Điều 2 Hợp đồng cho vay, khoản 6 Điều 1 của các Khế ước nhận nợ đã ký kết. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng cho vay hạn mức số LN2106033828754, phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 03/11/2021 và phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐ ngày 06/4/2022 là có căn cứ nên được chấp nhận. Trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[4] Đối với hợp đồng theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ ký ngày 11/06/2021;

Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên đơn có cho bà Ngô Thị Hồng T vay số tiền 200.000.000 đồng, theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ ký ngày 11/06/2021, thời hạn cho vay 36 tháng, lãi suất 20%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn là phù hợp với quy định Điều 357, 466, 468 BLDS, Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng. Vì bị đơn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ các khoản vay theo hợp đồng hạn mức nêu trên nên khoản vay này chuyển thành nợ xấu và đến thời điểm xét xử cũng đã quá hạn trả nợ nhưng bà T vẫn chưa thanh toán. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, bà T còn nợ nguyên đơn số tiền 171.746.643đ, trong đó nợ gốc 115.121.430đ, nợ lãi trong hạn là 8.010.813đ, nợ lãi quá hạn là 48.614.400đ là đã vi phạm hợp đồng. Xét hợp đồng này được mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử theo yêu cầu của bà T nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà T có trách nhiệm trả khoản vay này là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

H3 lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 357, 466, 466 của Bộ luật dân sự 2015;
- Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng 2010, sửa đổi bổ sung 2017; các Điều 100, 103 Luật Các tổ chức tín dụng 2024;
- Các Điều 26, 35, 39, điểm b khoản 2 Điều 147, Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Nghị định 121/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ về quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ giao dịch bảo đảm;
- Nghị quyết 01/2019/NQ-hĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V.

1. Buộc bị đơn ông Đinh Thanh H1, bà Ngô Thị Hồng T phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP V số tiền: 4.359.942.852đ (bốn tỷ ba trăm năm mươi chín triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn tám trăm năm mươi hai đồng), trong đó nợ gốc 3.269.997.465đ, nợ lãi trong hạn: 323.668.000đ và nợ lãi quá hạn: 766.277.387đ theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2106033828754 ngày 08/06/2021, phục lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 03/11/2021, phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐ ngày

06/4/2022, các khế ước nhận nợ ngày 06/4/2022, 08/6/2022, 10/11/2022 và 11/11/2022 đã ký kết.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Đinh Thanh H1, bà Ngô Thị Hồng T phải tiếp tục chịu lãi suất theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2106033828754 ngày 08/06/2021, phục lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 03/11/2021, phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐ ngày 06/4/2022, các khế ước nhận nợ ngày 06/4/2022, 08/6/2022, 10/11/2022 và 11/11/2022 đã ký kết tương ứng với số tiền và thời gian thi hành án.

3. Trường hợp ông Đinh Thanh H1, bà Ngô Thị Hồng T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2106033828754 ngày 08/06/2021, phục lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 03/11/2021, phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐ ngày 06/4/2022, các khế ước nhận nợ ngày 06/4/2022, 08/6/2022, 10/11/2022 và 11/11/2022 thì nguyên đơn Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, tài sản bảo đảm gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 362822, số vào sổ cấp GCN: CH02021 do UBND huyện Đ, tỉnh Phú Yên cấp ngày 15/10/2015 đứng tên chủ sử dụng đất ông Đinh Thanh H1 và bà Ngô Thị Hồng T theo hợp đồng thế chấp ngày 08/6/2021 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 06/4/2022;

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 283757, số vào sổ cấp GCN: CH 00005 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Yên cấp ngày 14/01/2011, đứng tên chủ sử dụng đất ông Huỳnh Tấn B và bà Ngô Thị T1, theo hợp đồng thế chấp số 04445 ngày 03/11/2021 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 06/4/2022.

4. Buộc bị đơn bà Ngô Thị Hồng T phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP V số tiền 171.746.643đ (*một trăm bảy mươi mốt triệu, bảy trăm bốn mươi sáu ngàn, sáu trăm bốn mươi ba đồng*), trong đó nợ gốc 115.121.430 đ và nợ lãi trong hạn: 8.010.813đ và nợ lãi quá hạn: 48.614.400đ theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ ký ngày 11/06/2021.

5. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Ngô Thị Hồng T phải tiếp tục chịu lãi suất theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ ký ngày 11/06/2021 tương ứng với số tiền và thời gian thi hành án.

6. Về án phí: Bị đơn ông Đinh Thanh H1, bà Ngô Thị Hồng T phải chịu 112.360.000đ (*một trăm mười hai triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn bà Ngô Thị Hồng T phải chịu 8.587.000đ (*tám triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP V số tiền 56.006.000đ (năm mươi sáu triệu không trăm lẻ sáu nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0003133 ngày 15/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Đông Hòa;
- Chi cục THADS TX. Đông Hòa;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Nhật Trường